

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 307/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 03 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v đính chính Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18 /01/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về một số định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 114/STC-HCSN&CS ngày 25 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính nội dung Điều 4 và Khoản 1 Điều 8 Chương II Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về một số định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ do lỗi kỹ thuật trình bày, như sau:

1. Điều 4 “Hệ số mức chi tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN”, đã ban hành:

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày (Cấp tỉnh) $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh}) / 22 * 70\%$	Hệ số tiền công theo ngày (Cấp cơ sở)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,55	0,27
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,34	0,17
3	Thành viên	3,66	1,5	0,18	0,09
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,11	0,5

Nay sửa lại thành:

“Điều 4: Hệ số mức chi tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày (Cấp tỉnh) $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$	Hệ số tiền công theo ngày (Cấp cơ sở)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	0,27
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,34	0,17
3	Thành viên	0,18	0,09
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,11	0,05

2. Khoản 1 Điều 8 đã ban hành:

“1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	Hội đồng	100%	50%
	Chủ tịch hội đồng		1000	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	100%	50%
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		500	250
2	Chi tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	70%	35%
	Chủ tịch hội đồng		1.000	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	350
	Thư ký hành chính		200	100
	Đại biểu được mời tham dự		140	70
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	70%	35%
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	170
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		490	240
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		70%	35%
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	490	240
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	170
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	100
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140	70
4	Chi đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	70%	35%
	Chủ tịch hội đồng		1.000	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	350
	Thư ký hành chính		200	100
	Đại biểu được mời tham dự		140	70
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	70%	35%
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	170

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		490	240

Nay sửa lại thành:

“1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1000	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		500	250
2	Chi tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	350

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
	Thư ký hành chính		200	100
	Đại biểu được mời tham dự		140	70
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	170
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		490	240
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	490	240
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	170
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	100
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140	70
4	Chi đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	350
	Thư ký hành chính		200	100
	Đại biểu được mời tham dự		140	70
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	170
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		490	240

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về một số định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Kế San